

Bản án: 51/2020/HNGĐ-ST.

Ngày: 26-02-2021.

V/v ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA TỈNH LONG AN**

-Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Quyên.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Đổi.

2. Ông La Văn Việt.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Cương - là cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 26 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa (toạ lạc tại Khu B, thị trấn Hậu Nghĩa) tiến hành xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 1208/2020/TLST-HNGĐ ngày 06/11/2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/02/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Khắc T, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ấp Z, xã M, huyện Đ, tỉnh L (có mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Trần H, luật sư Công ty TNHH Lâm Trí Việt – Chi nhánh Tiền Giang (có mặt).

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Cẩm L, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Ấp Z, xã M, huyện Đ, tỉnh L (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/11/2020 và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Khắc T trình bày: Anh và chị L sống với nhau năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mỹ Hạnh Nam. Trong thời gian đầu chúng sống, vợ chồng hạnh phúc. Đến năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã. Chị L có thái độ không tôn trọng gia đình bên chồng, không phụ giúp anh chăm sóc, nuôi

dưỡng con. Mặc dù anh đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng chị L không thay đổi nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay thấy tình cảm không thể hàn gắn nên anh xin ly hôn chị L.

Về con chung: Nguyễn Ngọc Gia L, sinh ngày 24/02/2016, con hiện đang sống chung với anh. Sau khi ly hôn, anh xin tiếp tục nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Gia Linh từ khi tròn một tuổi đã gửi cho mẹ anh nuôi dưỡng, từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay, anh là người nuôi dưỡng Gia Linh, thu nhập hàng tháng của anh là 12.000.000đ/tháng nên anh có đủ điều kiện nuôi con. Ngoài ra, chị L có một con riêng nhưng chị L vẫn không nuôi dưỡng mà gửi cho mẹ của chị L nuôi dưỡng nên anh thấy chị L không thể nào chăm sóc tốt cho con được.

Tài sản chung: Anh tự thỏa thuận với chị L, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Cẩm L trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa như sau: Chị trình bày về thời gian chung sống, điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian ly thân, về con chung, tài sản chung, nợ chung như anh T đã trình bày. Nay anh T xin ly hôn chị đồng ý.

Về con chung: Nguyễn Ngọc Gia L, sinh ngày 24/02/2016, con hiện đang sống với anh T. Trong quá trình chung sống với anh T, do hai vợ chồng đều bận rộn công việc nên khi con đủ 01 tuổi, chị và anh T thống nhất gửi con cho mẹ của anh T nuôi dưỡng cho đến nay. Sau khi ly hôn chị xin nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại, chị có công việc ổn định, chị vừa buôn bán vừa làm nhân viên khách sạn, thu nhập của chị hơn 10.000.000đ/tháng nên chị có đủ điều kiện để nuôi con. Chị muốn đưa con về sống với chị tại TP.HCM, cho con có điều kiện học hành tốt hơn sống với anh T. Khi chị gửi con cho mẹ của anh T nuôi dưỡng, chị về thăm con thì cũng không có ai ngăn cản. Về điều kiện sống của con, chị thấy con phát triển bình thường, anh T cũng biết chăm sóc tốt cho con. Trong thời gian chung sống, anh T là người quan tâm, chăm sóc con nhiều hơn chị, vì chị phải đi làm nhiều nên không có đủ thời gian chăm sóc con. Vấn đề chị không hài lòng là do bà nội nuông chiều cháu nên con của chị không được lễ phép cho lắm như gặp người lớn không chịu chào hỏi.

Tài sản chung: Chị tự thỏa thuận với anh T, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Về quan hệ hôn nhân thì anh T xin ly hôn, chị L đồng ý, tài sản chung anh T tự thỏa thuận với chị L, về nợ chung thì không có. Tất cả các vấn đề trên anh T và chị L thống nhất nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Vấn đề hai bên không thống nhất là anh T và chị L đều xin được quyền nuôi con Nguyễn Ngọc Gia L. Xét thấy, về điều kiện kinh tế thì thu nhập của anh T 12.000.000đ/tháng nên anh T có đủ điều kiện nuôi con. Về thời gian chăm, sóc, nuôi dưỡng con.

Chị L làm hai công việc cùng lúc nên sẽ không có đủ thời gian để chăm sóc con. Về điều kiện và môi trường sống, Từ khi được 01 tuổi cháu Linh đã sống với bà nội cho đến nay đã 04 năm, cháu đã quen với việc được ông, bà nội chăm sóc, cháu phát triển tốt nên nếu thay đổi môi trường sống sẽ không tốt cho cháu. Chị L ngoài cháu Linh thì chị L còn 01 người con khác nhưng chị L vẫn không có thời gian chăm sóc nên gửi cho mẹ ruột chăm sóc, nên chị L không thể nào nuôi dưỡng thêm cháu Linh được. Mặt khác, từ khi gia đình anh T nuôi dưỡng cháu Linh, chị L tới thăm nom, gia đình anh T cũng không ngăn cản. Về nguyên nhân mâu thuẫn dẫn tới ly hôn, anh T cho rằng chị L không tôn trọng gia đình bên chồng và không phụ giúp anh T nuôi dưỡng, chăm sóc con, chị L cũng thừa nhận là do công việc chị nhiều nên không có thời gian chăm sóc con. Từ những cơ sở trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh T được quyền nuôi cháu Gia Linh để tạo sự phát triển tốt nhất cho cháu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà, căn cứ các kết quả xét hỏi tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Khắc T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh chị Nguyễn Thị Cẩm L, chị L hiện có hộ khẩu thường trú tại xã M, huyện Đức Hòa nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Khắc T và chị Nguyễn Thị Cẩm L chung sống với nhau vào năm 2015, có đăng ký kết hôn, nên hôn nhân giữa anh T và chị L được xem là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Trong quá trình chung sống, anh T và chị L phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh T xin ly hôn chị L, chị L cũng đồng ý ly hôn.

[3] Xét thấy anh T và chị L chung sống với nhau, phát sinh mâu thuẫn, không thể hàn gắn lại được. Anh T và chị L không tự giải quyết được mâu thuẫn để vợ, chồng đoàn tụ nên anh T xin ly hôn. Chị L cho rằng cuộc sống vợ, chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn nên chị L cũng đồng ý ly hôn. Việc anh T và chị L thuận tình ly hôn là tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về con chung: Nguyễn Ngọc Gia L, sinh ngày 24/02/2016. Sau khi ly hôn anh T và chị L đều xin được quyền nuôi con. Xét thấy, về điều kiện nuôi con, anh T và chị L đều có việc làm ổn định, có thu nhập nên anh T và chị L đều có điều kiện nuôi con. Xét về điều kiện chăm sóc và môi trường sống, cháu Linh từ nhỏ đã được bà nội nuôi dưỡng, cháu sống ổn định và phát triển bình thường. Từ khi chị L và anh T sống ly thân đến nay, cháu Linh do anh T và bà nội cháu nuôi dưỡng, anh T cũng đã thay đổi công việc để thuận tiện chăm sóc

cho cháu. Chi L cũng thừa nhận cháu phát triển bình thường, gia đình anh T cũng không ngăn cản việc chị đến thăm con. Chị L ngoài cháu Linh, chị L còn có một đứa con khác, nên nếu giao cháu Linh cho chị L nuôi thì điều kiện nuôi con không thể bằng anh T được. Để tạo sự phát triển tốt nhất cho cháu Linh, Hội đồng xét xử thấy cần thiết để cháu Linh cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng. Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao cháu Linh cho nguyên đơn tiếp tục nuôi là phù hợp nên HĐXX chấp nhận.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Anh T và chị L tự thỏa thuận về tài sản chung không yêu cầu giải quyết, đối với nợ chung thì không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Anh T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Khắc T đối với chị Nguyễn Thị Cẩm L về việc “Ly hôn”.

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Khắc T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Cẩm L.

Việc nuôi con chung: Anh T được quyền tiếp tục nuôi Nguyễn Ngọc Gia L, sinh ngày 24/02/2016, chị L không phải cấp dưỡng nuôi con vì anh T không có yêu cầu. Cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, bên trực tiếp nuôi con không được quyền ngăn cản. Khi cần thiết có thể yêu cầu thay đổi quyền nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con

2. Về án phí: Anh T chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung công quỹ nhà nước, anh T được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên L thu số 0006786 ngày 04/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hoà, tỉnh Long An để thi hành.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để xin xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- TAND tỉnh Long An;
- UBND xã M;
- Lưu HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Kim Quyên